

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ II NĂM 2010

TOHO(SMC)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	MS	TM	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay (2010)	Năm trước (2009)	Năm nay (2010)	Năm trước (2009)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng	01	VI.25	1,513,847,071,866	1,150,806,328,437	2,653,304,968,657	1,943,176,524,888
Trong đó:						
Doanh thu xuất khẩu			6,387,113,629		14,642,157,331	1,451,636,764
Doanh thu hàng hoá			1,507,363,338,237	1,150,677,208,437	2,638,450,571,326	1,941,508,648,124
Doanh thu dịch vụ			96,620,000	129,120,000	212,240,000	216,240,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			3,182,156,795	121,770,000	3,182,156,795
3. Doanh thu thuần	10		1,513,847,071,866	1,147,624,171,642	2,653,183,198,657	1,939,994,368,093
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1,466,195,746,703	1,121,548,611,724	2,577,149,241,947	1,905,495,648,856
5. Lợi nhuận gộp	20		47,651,325,163	26,075,559,918	76,033,956,710	34,498,719,237
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	15,934,391,143	2,939,634,177	23,435,948,264	7,002,817,514
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	16,053,973,447	5,184,603,185	32,843,585,372	8,683,896,846
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		15,382,411,690	3,779,125,950	28,145,573,355	8,182,850,575
Dự phòng tài chính				(1,336,854,170)		(3,205,795,272)
8. Chi phí bán hàng	24		9,887,134,178	7,659,790,351	16,016,230,947	10,161,182,318
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,204,837,236	3,607,496,534	8,261,933,183	5,696,585,607
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		33,439,771,445	12,563,304,025	42,348,155,472	16,959,871,980
11. Thu nhập khác	31		159,218,367	342,937,066	846,756,426	3,155,232,060
12. Chi phí khác	32		67,512,980	72,334	67,635,390	2,099,861,083
13. Lợi nhuận khác	40		91,705,387	342,864,732	779,121,036	1,055,370,977
14. Lợi nhuận từ Công ty L/ Doanh, L/ Kết						
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33,531,476,832	12,906,168,757	43,127,276,508	18,015,242,957
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	2,965,220,710	1,108,334,058	4,164,695,670	1,512,446,133
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		30,566,256,122	11,797,834,699	38,962,580,838	16,502,796,824
Lãi/ lỗ sau thuế phân bổ cho:						
19. Cổ đông thiểu số						
20. Cổ đông Công ty (mẹ)						
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2,086	840	2,659	1,502

Chỉ tiêu	MS	TM	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay (2010)	Năm trước (2009)	Năm nay (2010)	Năm trước (2009)
1	2	3	4	5	6	7

Ngày 19 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)